ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /CT-UBND	*Thái Bình, ngày 28 tháng 8 năm 2014*

CHỈ THỊ
Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

Trong những năm qua, các cấp, các ngành trong tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp đã đề ra. Bên cạnh những thuận lợi, còn không ít những khó khăn, thử thách, song được sự lãnh đạo, chỉ đạo, quan tâm, giúp đỡ của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương; sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành và nhân dân nên tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn tiếp tục phát triển, đạt kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực.

Thực hiện Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015); Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/08/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 theo các quy định sau:

A. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 – 2020.

I. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 – 2020.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực chất, khách quan tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 theo các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp và dự báo tình hình của từng đơn vị, địa phương, của tỉnh và cả nước trong giai đoạn tới; từ đó xác định mục tiêu, định hướng phát triển của Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

a) Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 2011-2013, ước thực hiện kế hoạch năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015; trong đó cần làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu và các định hướng phát triển đề ra; những tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch.

b) Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách lớn trong tái cơ cấu nền kinh tế.

Tập trung đánh giá kết quả xây dựng và thực hiện các đề án tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực, trong đó chú trọng 3 lĩnh vực: tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu thị trường tài chính. Đồng thời, đánh giá tái cơ cấu trong nội bộ ngành, lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xuất khẩu, thương mai dịch vụ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, doanh nghiệp dân doanh và các mô hình sản xuất mới, trong đó cần nêu bật được các chủ trương định hướng, chương trình kế hoạch tái cơ cấu, những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tới.

c) Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Trong đó cần làm rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra; các nguyên nhân khách quan, chủ quan của các hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện của các cấp, các ngành; đặc biệt cần phân tích, đánh giá sâu về việc tham mưu, ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách và kết quả triển khai thực hiện ở các cấp, các ngành; nguyên nhân, biện pháp nâng cao chất lượng xây dựng các cơ chế chính sách trong giai đoạn tới.

d) Tình hình và kết quả thực hiện công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách nhà nước; tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

đ) Những kết quả về phát triển và đổi mới giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, bảo vệ trẻ em, phát triển thanh niên, chăm sóc gia đình và người có công với cách mạng; thực hiện chính sách tôn giáo, tín ngưỡng, bình đẳng giới...; quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Đánh giá về kết quả cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 xây dựng trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước đang có xu hướng phục hồi tăng trưởng nhưng còn chậm và diễn biến phức tạp, khó lường; đặc biệt các diễn biến ở biển Đông có thể có tác động ảnh hưởng tới phát triển kinh tế đất nước. Ở trong tỉnh, tình hình kinh tế cơ bản ổn định và tiếp tục phát triển nhưng cũng còn nhiều khó khăn, thách thức, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế. Bên cạnh những khó khăn, thách thức, trong giai đoạn 2016-2020 tỉnh ta cũng có nhiều thuận lợi khi một số dự án đầu tư lớn trên địa bàn hoàn thành giai đoạn đầu tư đi vào hoạt động sẽ làm tăng quy mô và tiềm lực kinh tế của tỉnh; sự ổn định về chính trị- xã hội cùng với nhiều cơ chế, chính sách mới được ban hành trong năm 2014-2015 sẽ là những tiền đề, điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với tốc độ cao hơn.

a) Mục tiêu tổng quát Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Thực hiện quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá gắn với xây

dựng nông thôn mới; tăng cường thu hút đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ; chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tại các địa phương để giải quyết việc làm, thúc đẩy chuyển dịch lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế. Tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá, xã hội; bảo đảm an sinh, giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường. Củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

b) Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 9-10%/năm. Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 10-11%/năm, trong đó: sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng 2,5-3,0%/năm; công nghiệp-xây dựng tăng 13,5-14,5%/năm, trong đó công nghiệp tăng 12- 13%/năm; dịch vụ tăng 11- 11,5%/năm; bình quân GDP đầu người đến năm 2020 (theo giá hiện hành) đạt 60 triệu đồng (bình quân giá trị sản xuất đạt 138 triệu đồng/người). Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm bình quân từ 1%/năm trở lên.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường nghiên cứu xây dựng và sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách đảm bảo đồng bộ, hiệu quả để cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các nguồn lực, vốn đầu tư phục vụ phát triển bền vững kinh tế -xã hội.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng phát triển bền vững, kết hợp với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho nông dân. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.

- Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm. Chủ động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả cho việc thực hiện và hoàn thành đầu tư các dự án lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh (như: xây dựng hệ thống thu gom và phân phối khí mỏ Thái Bình và mỏ Hàm Rồng; Trung tâm Điện lực Thái Bình; Nhà máy sản xuất Amoniac; khai thác thử nghiệm bể than Đồng bằng sông Hồng...). Phát triển và giữ vững giá trị sản xuất tại các làng nghề truyền thống; chú trọng phát triển nghề và làng nghề mới. Tiếp tục xây dựng và phát triển các khu công nghiệp mới để đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, công nghệ cao, sử dụng năng lượng tiết kiệm, không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo quốc phòng an ninh, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách địa phương, đặc biệt là các dự án đầu tư của Nhật Bản và Hàn Quốc.

- Đa dạng hóa và phát triển các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác khuyến thương, hỗ trợ các doanh nghiệp xúc tiến bán hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là đối với các sản phẩm nông nghiệp. Đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, nhất là sản phẩm xuất khẩu chủ lực, có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh; khai thác tốt các thị trường truyền thống và chú trọng mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Tăng cường xúc tiến thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch; khuyến khích đầu tư phát triển các hình thức bán buôn, bán lẻ hiện đại và phát triển thương mại điện tử. Đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với giữ gìn văn hóa truyền thống; khuyến khích đầu tư xây dựng khu du lịch với các loại hình sinh thái, lịch sử, nghỉ dưỡng theo quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, thể dục, thể thao, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách về đảm bảo an sinh xã hội, lao động, việc làm và giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người lao động. Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế. Nâng cao hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" gắn với xây dựng nông thôn mới; chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá, truyền thống cách mạng; tiếp tục đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, đặc biệt là các di tích trọng điểm, gắn với phát triển du lịch; tăng cường công tác thông tin truyền thông; phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Thực hiện tốt các chính sách về tôn giáo, bình đẳng giới và phát triển thanh niên; quan tâm chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em.

- Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt việc kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm, phòng chống ma túy. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông. Giữ vững ổn định an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020.

1. Yêu cầu trong tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

a) Việc đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 cần bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015.

b) Việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các hiệp hội và cộng đồng dân cư.

c) Việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát đúng với thực tiễn.

2. Yêu cầu trong xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh phải xây dựng bám sát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng và của tỉnh đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồng thời phải phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của tỉnh, trong đó định hướng một số lĩnh vực, ngành nghề có ưu thế để xác định trọng tâm đầu tư phát triển.

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 của các ngành, lĩnh vực và các huyện, thành phố phải phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh, các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội các huyện, thành phố đã được phê duyệt; phù hợp với đặc điểm, tiềm năng, lợi thế của từng ngành, từng địa phương.

c) Xây dựng các mục tiêu, định hướng và giải pháp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống, gắn với khả năng cân đối nguồn lực, bảo đảm tính khả thi; sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên.

d) Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, các sở, ngành, địa phương cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan nghiên cứu khoa học, các hiệp hội sản xuất và tiêu dùng, cộng đồng dân cư.

3. Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm.

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp quản lý và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011-2015.

Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2011-2015, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011-2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các sở, ngành, địa phương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 của sở, ngành, địa phương phân theo nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước (nguồn Trung ương hỗ trợ và cân đối ngân sách địa phương), nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối (xổ số kiến thiết, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư), nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn vốn vay tín dụng, vốn vay, tạm ứng Kho bạc Nhà nước, vốn ODA và nguồn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo từng nguồn vốn so kế hoạch được duyệt, bao gồm: Tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm, triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản ứng trước, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản ....; số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; tình hình

huy động các nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công ...

2. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trong giai đoạn 2011-2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trong giai đoạn 2011-2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và sau khi triển khai thực hiện Chỉ thị này.

4. Các kết quả đầu tư công đã đạt được, như: năng lực tăng thêm, nâng cao chất lượng dịch vụ công.... và những tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 của tỉnh, của ngành và huyện, thành phố; việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011-2015 đã hoàn thành bàn giao đi vào sử dụng.

5. Các khó khăn, vướng mắc và tồn tại hạn chế trong triển khai thực hiện; phân tích sâu sắc nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

6. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011-2015.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020.

Các sở, ngành, địa phương tổ chức lập Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn cân đối ngân sách địa phương); Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch đầu tư vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu chính quyền địa phương; Kế hoạch đầu tư vốn vay khác của ngân sách địa phương; Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các quy định dưới đây:

1. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn

a. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011-2015 (bao gồm kế hoạch các năm 2011, 2012, 2013 và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2014-2015) theo từng nguồn vốn quy định tại mục I, phần A nêu trên.

b. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương 5 năm 2016-2020; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016-2020 của ngành, lĩnh vực, địa phương.

c. Các đề án tái cơ cấu kinh tế, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng hiệu quả và năng lực cạnh tranh của ngành, lĩnh vực, địa phương.

d. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn, chương trình.

đ. Về cân đối nguồn vốn đầu tư công: Việc xác định tổng mức vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn căn cứ vào dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh dự báo khoảng 9-10%/năm, trước mắt trong lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020, dự kiến như sau:

- Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước: Tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh: Đảm bảo chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà

nước ở mức hợp lý, trước mắt trong lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016-2020, dự kiến như sau:

+ Vốn bổ sung có mục tiêu (hỗ trợ có mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia) tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm tiền thu sử dụng đất): Trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước phấn đấu tăng khoảng 10%, trong các năm sau căn cứ tình hình triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương và tỷ lệ điều tiết ngân sách giai đoạn 2016-2020 để xác định cụ thể mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên cho đầu tư phát triển, phấn đấu tăng bình quân hàng năm khoảng 7-10% so với kế hoạch giao của năm trước.

+ Đối với nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương: Căn cứ tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu, phấn đấu tốc độ tăng đạt 12-15% so với kế hoạch năm trước.

+ Vốn trái phiếu Chính phủ: cân đối trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung cho giai đoạn 2014-2016.

+ Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: Dự kiến tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm so với kế hoạch năm trước.

+ Vốn hỗ trợ phát triển chính chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Căn cứ vào các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng giải ngân các nguồn vốn của nhà tài trợ trong giai đoạn 2016-2020 lập kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này.

+ Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương (vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn vay, tạm ứng Kho bạc Nhà nước...): Không vượt quá tổng mức huy động theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

e. Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

g. Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Nguyên tắc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

a. Việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2020 của tỉnh, huyện; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

b. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

c. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 do cấp có thẩm quyền quyết định.

d. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án quan trọng có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của ngành, địa phương, hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch, các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

đ. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

e. Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

g. Đối với việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, trong bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 phấn đấu thanh toán cơ bản các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2014. Từ năm 2015 trở đi, các cấp, các ngành phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản.

h. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020, dự kiến dự phòng khoảng 15% ở cấp tỉnh và các cấp địa phương để xử lý trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp, các vấn đề phát sinh theo quy định của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

i. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

k. Đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011-2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016-2020.

a. Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công.

- Các dự án thuộc đối tượng rà soát là các dự án đang được đầu tư trong kế hoạch đầu tư công đã được duyệt, được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư.

- Các sở, ngành, địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang đầu tư theo từng nguồn vốn, chia ra các nhóm dự án: (1) Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn; (2) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015; (3) Danh mục dự án dự kiến hoàn hành trong giai đoạn 2016-2020; (4) Danh mục dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020.

b. Rà soát danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn.

Các sở, ngành và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án khởi công mới theo từng nguồn vốn, phân loại như sau:

- Dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư.

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016-2020 để thực hiện.

- Dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án này, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định Luật Đầu tư công.

c. Danh mục các dự án khởi công mới (không bao gồm các dự án quy định tại tiết b nêu trên) dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020: Các sở, ngành, địa phương dự kiến danh mục và chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2014.

a. Các sở, ngành và địa phương rà soát báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản các dự án đầu tư công theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31/12/2014.

b. Các sở, ngành, địa phương để phát sinh các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản từ ngày 01/01/2015 (sau thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

5. Lập danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020 cho các dự án đầu tư công.

a. Trên cơ sở các căn cứ và nguyên tắc, tiêu chí quy định tại điểm 1 và 2 của Mục II này, các sở, ngành và địa phương lựa chọn danh mục và đề xuất bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư. Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương phải ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

+ Sau khi đã xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31/ 12/ 2014;

+ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án thuộc đối tượng quy định tại Tiết b Điểm 3 trên đây (do Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, do đó yêu cầu các sở, ngành và địa phương khẩn trương chuẩn bị các hồ sơ cần thiết ngay trong năm 2014 đối với các dự án khởi công mới dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016-2020 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư từ ngày 01/01/2015);

+ Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016-2020 để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

b. Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 sử dụng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương); vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn đầu tư công khác nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, cần rà soát, phân loại và xử lý như sau:

- Nhóm 1: Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác.

Các sở ngành, địa phương tiến hành rà soát, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang đầu tư theo hình thức hợp tác công tư hoặc hình thức đầu tư khác, bao gồm: Các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư; các dự án

có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất; các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc chuyển đổi hình thức các dự án đang được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không đủ nguồn bố trí tiếp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, các sở, ngành, địa phương phải có kế hoạch, chương trình tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào từng dự án cụ thể. Đề xuất phương án xử lý số vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác đã bố trí cho các dự án chuyển đổi theo hướng: Nhà nước rút toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án hoặc góp phần vốn đã đầu tư cùng doanh nghiệp để tiếp tục đầu tư dự án và cùng khai thác, hoặc chuyển toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án cho chủ đầu tư mới.

- Nhóm 2: Đối với dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các sở, ngành, địa phương chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- Nhóm 3: Các dự án đầu tư thật sự không hiệu quả thì không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

c. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ: Hiện nay, Chính phủ chưa có chủ trương mở mới các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020. Do đó, các sở, ngành, địa phương chỉ tổng hợp danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành sau năm 2015, được bổ sung vốn giai đoạn 2014-2016.

d. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vốn vay của ngân sách địa phương (nếu có): Việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định nêu trên, nhưng danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương 5 năm 2016 - 2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015.

Các sở, ngành được giao là chủ quản lý chương trình và các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (sau đây gọi tắt là các chương trình) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình triển khai thực hiện các chương trình giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện các chương trình trong giai đoạn 2011 - 2014; tình hình lồng ghép giữa các chương trình; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình giai đoạn 2011 - 2014 và dự kiến năm 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015.

4. Các kết quả đạt được, trong đó làm rõ kết quả đạt được các mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 nhằm thực hiện, tốt các mục tiêu của các chương trình đã đề ra.

II. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020.

1. Theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ thì giai đoạn 2016 - 2012 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Do vậy, từ nay đến hết năm 2015, các sở, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không mở thêm các dự án đầu tư mới. Trường hợp một số ít dự án dở dang do lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác trong giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục quan trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

2. Các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyển sang nhiệm vụ thường xuyên và bố trí trong ngân sách của các sở, ngành và ngân sách trong cân đối của địa phương để thực hiện.

D. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM.

I. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 5 NĂM 2016 - 2020.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hướng dẫn và triển khai đến các sở, ngành và địa phương đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công giai đoạn 2011- 2015 và yêu cầu, nội dung, tiến độ lập kế hoạch giai đoạn 2016-2020; hoàn thành trước ngày 31/8/2014.

2. Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành liên quan rà soát, công bố các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh và các huyện, thành phố trong giai đoạn 2011-2013, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước 30/9/2014.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Sử dụng số liệu chính thức do Cục Thống kê tỉnh tính toán và công bố cho giai đoạn 2011-2013; phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tỉnh rà soát, ước thực hiện năm 2014, dự kiến năm 2015 và cả giai đoạn 2011-2015 để làm căn cứ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và hoàn chỉnh kế hoạch, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 30/10/2014.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp và xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đảm bảo

thời gian theo quy định (Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hoàn thành trước ngày 30/11/2014; Kế hoạch đầu tư công hoàn thành trước ngày 31/12/2014).

5. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành và địa phương hoàn thiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30/6/2015 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

II. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.

1. Các sở, ngành quản lý các chương trình chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện chương trình theo quy định tại Mục I, Phần C trên đây, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15/9/2014. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ, ngành chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30/ 9/2014.

2. Các sở, ngành quản lý chương trình tổ chức xây dựng mục tiêu, kế hoạch và đề xuất hai chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 (nếu có), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15/10/2014. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành chủ trì quản lý chương trình trước ngày 30/10/2014.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chỉ thị này và theo dõi, đôn đốc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh 5 năm 2016 - 2020, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ ngành Trung ương và Chính phủ theo đúng thời gian quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết xử lý đối với các tồn tại của các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng phải giãn tiến độ thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, trong đó đảm bảo chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phấn đấu theo Kết luận Hội nghị lần thứ bảy- Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63- KL/TW ngày 27/5/2013); xác định khả năng phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các cân đối tài chính có liên quan trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đủ kinh phí trong dự toán chi ngân

sách nhà nước hàng năm để xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và hướng dẫn các địa phương tính toán xác định các nguồn thu, dự kiến cơ cấu chi ngân sách địa phương và các nguồn để lại cho đầu tư do địa phương quản lý.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh.

3. Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức rà soát, công bố chính thức các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh và các huyện, thành phố trong giai đoạn 2011-2013 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo thời gian quy định.

4. Ngân hàng phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Thái Bình chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đánh giá toàn bộ tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước 5 năm 2016-2020 theo thời gian lập Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 quy định tại mục I, Phần này.

5. Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện để bảo đảm việc lập Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo tại Chỉ thị này.

Nhận Chỉ thị này, yêu cầu Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng: KHTC, CNXDGT, NNTNMT;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Sinh

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh
Thời gian ký số:
29/08/2014 08:50:40